

Số: BC/BVHH

Hoàng Hóa, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ
(Kỳ báo cáo: từ ngày 15 /12/2024 đến ngày 14 /12/2025)

Kính gửi: Sở Y tế Thanh Hóa

Phần 1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở y tế (Chủ nguồn thải): BVĐK Hoàng Hóa

Địa chỉ: Phố Vinh Sơn - xã Hoàng Hóa -Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 02373643304

Mã số quản lý chất thải nguy hại (số Chứng minh nhân dân/căn cước công dân đối với cá nhân): 171580690

Tên lãnh đạo đơn vị phụ trách: Nguyễn Xuân Lập

Tên khoa/phòng/bộ phận đầu mối: Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn

Tên người tổng hợp báo cáo: Lê Thị Lại

Điện thoại: 0983011369; Email: laiqclbvh@ gmail.com

1.2. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại (áp dụng đối với cơ sở y tế có từ 2 cơ sở trực thuộc trở lên và trình bày từng cơ sở)

Tên cơ sở (nếu có): BVĐK Hoàng Hóa

Địa chỉ: Phố Vinh Sơn - xã Hoàng Hóa -Tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại: 02373643304

1.3. Số giường bệnh kế hoạch (nếu có): 180; Số giường bệnh thực kê: 340

1.4. Tổng số cán bộ, nhân viên của cơ sở y tế: 273;

Số học sinh, sinh viên thực tập: 10

1.5. Tổng số lượt người đến khám, chữa bệnh: 120273

Trong đó: ngoại trú: 101795, nội trú: 18478

Phần 2. Kết quả quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo

2.1. Tình hình chung về quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo:

2.1.1. Kết quả đào tạo, tập huấn, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý CTYT

a) Hoạt động đào tạo, tập huấn

TT	Nhóm đối tượng được đào tạo, tập huấn	Số người được đào tạo	Lượt đào tạo
1	Cán bộ chuyên trách quản lý chất thải y tế	2	3
2	Nhân viên y tế	255	2
3	Nhân viên thu gom, lưu giữ chất thải y tế	15	2
4	Nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế	1	2

Nhận xét, đánh giá:

100% nhân viên y tế tham gia đào tạo, tập huấn

b) Kết quả hoạt động truyền thông và phổ biến quy định về quản lý chất thải y tế

TT	Nhóm đối tượng truyền thông, phổ biến pháp luật	Nội dung	Hình thức
1	Lãnh đạo CSYT, lãnh đạo các khoa, phòng	- Nắm bắt, cập nhật kịp thời các văn bản quy định về quản lý chất thải y tế - Phổ biến các quy định về quản lý, xử lý CTYT cho nhân viên	- Tập huấn tại hội trường lớn của bệnh viện - Chỉ đạo trực tiếp tại các buổi giao ban chuyên môn
2	Nhân viên y tế, nhân viên vệ sinh môi trường, nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế	Các văn bản quy định về quản lý CTYT	- Tập huấn tại hội trường lớn của bệnh viện - Tham gia các khóa học đào tạo liên tục về quản lý CTYT
3	Người bệnh và người nhà người bệnh	Hướng dẫn các thu gom, phân loại chất	- Tuyên truyền về cách phân loại chất thải qua loa phát thanh của bệnh

		thải đúng quy định	viện và tại các buổi họp hội đồng người bệnh - Treo tranh ảnh hướng dẫn cách phân loại chất thải tại các vị trí thu gom chất thải và thùng đựng chất thải
4	Cộng đồng xung quanh cơ sở y tế	- Tác hại của CTYT đến môi trường xung quanh nếu không được thu gom, phân loại, xử lý đúng quy định - Lợi ích của việc giảm thiểu chất thải	Phối hợp với đài truyền thanh xã

Nhận xét, đánh giá:

- 100% NYYT biết cách phân loại chất thải y tế
- Người bệnh, người nhà người bệnh đã biết cách phân loại chất thải và bỏ vào thùng đựng chất thải đúng quy định
- Người dân xung quanh bệnh viện nắm được lợi ích của việc xử lý chất thải y tế đúng quy định.

2.1.2. Kết quả hoạt động thanh, kiểm tra

- a) Hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên
- Số lần được thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo: 1 lần.
- Kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính:

TT	Tên cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra	Nội dung vi phạm (nếu có, ghi rõ)	Kết quả khắc phục vi phạm	
			Đã khắc phục	Chưa khắc phục
I	Thanh tra			
II	Kiểm tra			

III	Xử lý vi phạm hành chính
-----	--------------------------

b) Hoạt động kiểm tra, giám sát của đơn vị

TT	Tên đơn vị, bộ phận thực hiện kiểm tra, giám sát	Nội dung vi phạm (nếu có, ghi rõ)	Kết quả khắc phục vi phạm	
			Đã khắc phục	Chưa khắc phục
I	Kiểm tra, giám sát			
II	Xử lý vi phạm			
1	Hội đồng KSNK		X	

Nhận xét, đánh giá:

Qua kiểm tra, giám sát của Hội đồng KSNK bệnh viện cho thấy: Bệnh viện đã thực hiện đúng quy định về quản lý chất thải y tế. Bệnh viện đã ký hợp đồng vận chuyển và xử lý CTYT với các đơn vị xử lý đúng quy định.

2.1.3. Kết quả quan trắc môi trường

TT	Nội dung quan trắc	Số lần quan trắc thực tế/quy định	Chỉ tiêu không đạt	Bản scan các Kết quả quan trắc kèm theo
1	Quan trắc nước thải	4/4		file đính kèm
2	Quan trắc môi trường không khí xung quanh	4/4		file đính kèm

Nhận xét, đánh giá:

Kết quả 4 lần quan trắc môi trường năm 2025 đều đạt được các thông số, chỉ thị môi trường cho phép theo QCVN 28;2021/BTMT

2.2. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo:

(Trường hợp có các cơ sở trực thuộc, thì ngoài thống kê chất thải y tế của cơ sở, cần thống kê lần lượt đối với từng cơ sở y tế trực thuộc theo bảng dưới đây)

+ Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý trong kỳ báo cáo do BVĐK HOÀNG HÓA quản lý

TT	Loại chất thải y tế	Mã CTNH	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Số lượng chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Xử lý chất thải y tế			
						Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
						Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý (*)
I	Tổng lượng chất thải y tế nguy hại		kg/năm	5985	5985	5985		0	
1	Tổng lượng chất thải lây nhiễm:		kg/năm	5901	5901	5901		0	
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	SN, LN	kg/năm	1999	1999	1999	Công ty TNHH Sông Công	0	
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	LN	kg/năm	3842	3842	3842	Công ty TNHH Sông Công, Bệnh viện đa khoa	0	

							Hậu Lộc		
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	LN	kg/năm	0	0	0	Công ty TNHH Sông Công, Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc	0	
1.4	Chất thải giải phẫu	LN	kg/năm	60	60	60	Công ty TNHH Sông Công, Bệnh viện đa khoa Hậu Lộc	0	
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:		kg/năm	84	84	84		0	
2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có	Đ, ĐS	kg/năm	0	0	0		0	

	các thành phần nguy hại vượt ngưỡng								
2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Đ	kg/năm	0	0	0		0	
2.3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có	Đ	kg/năm	0	0	0		0	

	cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất								
2.4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi	Đ, ĐS	kg/năm	0	0	0	Công ty TNHH Sông Công	0	
2.5	Tổng lượng chất thải nguy hại khác	Đ, ĐS, C, AM	kg/năm	84	84	84		0	
II	Tổng lượng chất thải rắn thông thường		kg/năm	63600	63600	63600	HTX dịch vụ môi trường Hoằng Hóa	0	
III	Chất thải tái chế		kg/năm	9930	9930	9930	Công ty TNHH Xuân Lâm	0	
IV	Tổng lưu		m3/năm	10220	10220	0		10080	

	lượng nước thải								
4.1	Nước thải y tế		m3/năm	10220		0		10080	HTXLNT
4.2	Nước thải sinh hoạt		m3/năm	0	0	0		0	

Ghi chú: (*) Hình thức/phương pháp tự xử lý chất thải y tế tại cơ sở y tế:

- Chất thải y tế nguy hại: KĐ (hấp ướt, vi sóng), C (Chôn lấp), LĐ (lò đốt 2 buồng), TC (đốt 1 buồng hoặc đốt thủ công), K (phương pháp khác);

Trường hợp một loại chất thải có áp dụng đồng thời trong kỳ báo cáo cả việc thuê xử lý và tự xử lý thì cần ghi rõ hình thức và phương pháp xử lý cho từng trường hợp cụ thể.

- Nước thải: HTXLNT (xử lý qua hệ thống xử lý nước thải), KT (Không xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải, chỉ khử trùng nước thải trước khi xả ra môi trường), KXL (Không xử lý, thải thẳng ra môi trường).

2.3. Thống kê xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm cơ sở y tế trong kỳ báo cáo (chỉ thực hiện đối với cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế cho cụm cơ sở y tế):

TT	Loại chất thải y tế	Lượng chất thải y tế nhận từ các cơ sở y tế trong cụm (kg/năm)	Phạm vi xử lý (ghi tên các cơ sở y tế trong cụm)
----	---------------------	--	--

2.4. Thống kê lượng chất thải nhựa trong năm

TT	Loại chất thải nhựa	Số lượng phát sinh (kg/năm)	Số lượng chuyển giao để tái chế (kg/năm)	Tên đơn vị nhận chuyển giao để tái chế
1	Chất thải lây nhiễm	0.00	0.00	
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm	0.00	0.00	

3	Chất thải rắn thông thường:	1098	1098	
-	Chất thải rắn thông thường từ sinh hoạt thường ngày	0.00	0.00	
-	Chất thải rắn thông thường từ hoạt động chuyên môn y tế	1098.00	1098.00	Công ty TNHH Xuân Lâm
	Tổng cộng(1+2+3)	1098	1098	

2.5. Thống kê nhân lực thực hiện quản lý chất thải y tế

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành về môi trường được đào tạo	Tham gia làm về quản lý chất thải		Chứng chỉ đào tạo về quản lý chất thải/vận hành hệ thống	
					Toàn thời gian	Kiểm nhiệm	Đối tượng được đào tạo	Đơn vị cấp chứng chỉ
I	Cán bộ chuyên trách quản lý chất thải							
1	Lê Thị Lại	1992	Cử nhân điều dưỡng		X		Chứng chỉ KSNK 3 tháng	Trung tâm tư vấn và dịch vụ điều dưỡng hỗ trợ cộng đồng
II	Nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn, khí thải)							
1	Cao Văn Đình	1987	Cao đẳng			X	Quản lý chất thải y tế cho nhân viên vận hành hệ thống xử lý CTYT	Cục quản lý môi trường y tế

2.6. Thống kê công trình/thiết bị xử lý chất thải y tế

TT	Tên công trình, thiết bị	Công nghệ xử lý	Năm đưa vào vận hành	Tình trạng hoạt động hiện nay			Công suất xử lý theo thiết kế	Công suất xử lý thực tế
				Hoạt động tốt	Hoạt động không ổn định, quá tải	Hỏng hoặc không hoạt động		
I	Thiết bị xử lý chất thải rắn y tế							
II	Công trình, hệ thống xử lý nước thải y tế							
1	Hệ thống xử lý nước thải		2017	X			150m3/ngày, đêm	150m3/ngày, đêm

Phần 3. Kế hoạch quản lý chất thải y tế trong năm tiếp theo

- Định kỳ tập huấn công tác phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế cho toàn bộ NVYT

- Tăng cường công tác truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế cho người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý và giảm thiểu chất thải y tế, chất thải nhựa.

Phần 4. Các vấn đề khác

- Thuận lợi:

+ Được các cấp lãnh đạo quan tâm, chỉ đạo kịp thời

+ NVYT có trách nhiệm phối hợp và thực hiện quản lý chất thải y tế

+ Người bệnh và người nhà người bệnh tuân thủ các quy định của bệnh viện

- Khó khăn:

+ Số lượng thành viên hội đồng và mạng lưới KSNK của bệnh viện có chứng chỉ về KSNK ít

+ Mạng lưới KSNK của bệnh viện hoạt động chưa thường xuyên và hiệu quả

+ Cơ sở hạ tầng khoa KSNK còn chưa đáp ứng cho hoạt động thường xuyên của khoa

- + Trang thiết bị, máy móc phục vụ cho công tác KSNK còn thiếu, một số máy móc đã cũ chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng
- + Nguồn nhân lực của khoa KSNK còn thiếu

Phần 5. Kết luận, kiến nghị

- Nâng cấp cơ sở hạ tầng, đầu tư mua sắm bổ sung trang thiết bị mới
- Bổ sung nguồn nhân lực về KSNK
- Tăng cường công tác đào tạo, tăng số lượng thành viên Hội đồng KSNK có chứng chỉ về KSNK, tham gia các khóa học đào tạo liên tục về quản lý chất thải.
- Tăng cường vai trò, trách nhiệm của Hội đồng KSNK, mạng lưới KSNK trong công tác kiểm tra, giám sát.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- Ban GD;
- Các khoa, phòng;
- Lưu VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Lập